

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 02 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa Pên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Xô

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký Pên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia Pên tòa: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/02/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:38/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn Pên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988. Có mặt tại Pên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988. Vắng mặt tại Pên tòa.

Đều có địa chỉ: KDC V, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

-*Người làm chứng :* 1. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1948. Vắng mặt.

Địa chỉ : KDC V, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1962

Địa chỉ: P1, K, Kim Thành, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã A1 (nay là phường A1) vào ngày 16 tháng 11 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng Lôn bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh Anh không có trách nhiệm, không chu cấp kinh tế, một mình chị gánh vác việc gia đình, nuôi dưỡng ba con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tháng 9/2019, chị thuê nhà ra K, A1 làm ăn buôn bán, anh Anh không trao đổi, liên hệ gì với chị, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy

tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Anh.

Về con chung: Chị C và anh Anh có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24/9/2010; cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 16/4/2013 và cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 08/4/2019. Hiện cả ba cháu đang ở cùng chị C. Nay ly hôn chị C đề nghị được nuôi dưỡng các cháu và tự nguyện không yêu cầu anh Anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Kiều M có nguyện vọng xin được ở cùng chị C.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Anh. Bà xây dựng gia đình cho anh Anh và chị C trên tinh thần tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường A1. Sau ngày cưới, anh Anh và chị C chung sống tại gia đình bà, cuộc sống vợ chồng bình thường, cho đến 4 năm gần đây, anh Anh đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng có sự xa cách, khoảng tết năm 2021 chị C chuyển ra K, A1 ở. Nay chị C và anh Anh không còn chung kinh tế, mỗi người một nơi, nên chị C xin ly hôn thì anh Anh bận công việc không về được, anh Anh xác định để tùy chị C giải quyết theo quy định.

Xác minh tại địa phương phường A1 cung cấp: Chị C và anh Anh đăng ký kết hôn tại UBND phường A1. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm trách nhiệm đối với nhau. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp Luật.

Ngày 01/12/2022, TAND thị xã K đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh của anh Nguyễn Văn A. Ngày 13/12/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có công văn trả lời số 27195/QLXNC-P5 xác định anh Nguyễn Văn A không có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại Pên tòa hôm nay, chị C có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Anh vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Pên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt khi được Tòa án triệu tập là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24/9/2010; cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 16/4/2013 và cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 08/4/2019 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Anh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, riêng, công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Nguyễn Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại V, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết anh Nguyễn Văn A không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn A là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C kết hôn với anh Nguyễn Văn A trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị C đề nghị xin ly hôn anh Anh, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện anh chị đã tự sống ly thân. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải anh Anh đều không có mặt. Tại Pên tòa chị C giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị C và anh Anh không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị C và anh Anh có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24/9/2010; cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 16/4/2013 và cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 08/4/2019. Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị C cùng nguyện vọng của các cháu Q, M, phù hợp với thực tế nuôi dưỡng con chung hiện nay. Nên cần chấp nhận giao cả ba cháu Q, M, H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Anh không có mặt, chị C tự nguyện không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Nếu sau này các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị C phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24/9/2010; cháu Nguyễn Kiều M, sinh ngày 16/4/2013 và cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 08/4/2019 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Q, M, H đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, NH được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001919 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị C đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn A được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A1;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

S